

Số: 430 /BC-STC

Lai Châu, ngày 05 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi NSDP và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023 trình HĐND cấp tỉnh

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Trên cơ sở dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023 được UBND tỉnh báo cáo - trình HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp thứ mười hai tại Tờ trình số 4530/TTr-UBND ngày 01/12/2022. Sở Tài chính báo cáo công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi NSDP và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023 trình HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

A. DỰ TOÁN THU NSDP NĂM 2023

I. Dự toán thu NSDP: Tổng thu NSDP năm 2023 là 10.625.950 triệu đồng, tăng 36% so với dự toán năm 2022.

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn là: 2.450.000 triệu đồng (*Thu nội địa 2.370.000 triệu đồng, thu thuế Xuất nhập khẩu 80.000 triệu đồng*) tăng 9% so với ước thực hiện năm 2022. bao gồm:

1.1. Dự toán thu nội địa: Tổng số thu nội địa 2.370.000 triệu đồng (trong đó ngân sách địa phương hưởng: 2.215.260 triệu đồng).

- Thu từ DNNN do Trung ương quản lý: Dự toán 1.070.000 triệu đồng, tăng 8% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài: Dự toán 5.500 triệu đồng, bằng 69% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thu từ DNNN do địa phương quản lý: Dự toán giao 4.600 triệu đồng, tăng 2% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: Dự toán 575.000 triệu đồng, tăng 12% so với ước thực hiện năm 2022.

- Lệ phí trước bạ: Dự toán 47.000 triệu đồng, bằng 94% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán 35.500 triệu đồng, tăng 22% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thuế bảo vệ môi trường: Dự toán 127.000 triệu đồng, bằng 98% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thu phí và lệ phí: Dự toán 30.000 triệu đồng, tăng 7% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thu tiền sử dụng đất: Dự toán 250.000 triệu đồng, tăng 20% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: Dự toán 15.000 triệu đồng, bằng 100% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Dự toán 130.000 triệu đồng, bằng 100% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thu khác ngân sách: Dự toán 52.100 triệu đồng, tăng 30% so với ước thực hiện năm 2022.

- Thu xổ số kiến thiết: Dự toán 28.000 triệu đồng, bằng 100% so với ước thực hiện năm 2022.

1.2. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: Dự toán 80.000 triệu đồng, tăng 14% so với ước thực hiện năm 2022.

2. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương: 8.410.690 triệu đồng, bao gồm:

- Bổ sung cân đối: 4.891.942 triệu đồng.

- Bổ sung có mục tiêu: 3.518.748 triệu đồng.

II. Giao dự toán thu NSNN trên địa bàn

1. Ngân sách tỉnh: 1.884.200 triệu đồng, tăng 9% so với dự toán giao năm 2022.

2. Ngân sách huyện, thành phố: 565.800 triệu đồng, tăng 9% so với dự toán giao năm 2022.

- Huyện Tam Đường: 43.000 triệu đồng, tăng 12% so với dự toán HDND tỉnh giao năm 2022.

- Huyện Phong Thổ: 59.000 triệu đồng, bằng 98% so với dự toán HDND tỉnh giao năm 2022.

- Huyện Sìn Hồ: 32.000 triệu đồng, tăng 5% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022.

- Huyện Nậm Nhùn: 36.100 triệu đồng, tăng 20% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022.

- Huyện Mường Tè: 60.000 triệu đồng, tăng 3% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022.

- Huyện Than Uyên: 64.000 triệu đồng, tăng 8% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022.

- Huyện Tân Uyên: 68.000 triệu đồng, tăng 13% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022.

- Thành phố Lai Châu: 203.700 triệu đồng, tăng 13% so với dự toán giao HĐND tỉnh giao năm 2022.

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

1. Nguyên tắc phân bổ

Thứ nhất, bố trí chi thường xuyên theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định của Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; triệt để tiết kiệm gắn với tinh gọn bộ máy, nâng cao tự chủ đơn vị sự nghiệp công phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù từng lĩnh vực, cắt giảm tối đa chi hội nghị, công tác trong và ngoài nước và các khoản chi chưa thật sự cần thiết.

Thứ hai, bố trí nguồn trả nợ gốc và lãi theo kế hoạch trả nợ năm 2023; quản lý chặt chẽ các khoản vay theo kế ước đã ký.

Thứ ba, dành nguồn kinh phí cho triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và các Đề án, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã ban hành.

Thứ tư, ưu tiên chi cho sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp khoa học công nghệ; các nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh thuộc nhiệm vụ của địa phương và chi an sinh xã hội phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Thứ năm, bố trí dự phòng, quỹ dự trữ tài chính để đảm bảo nguồn xử lý kịp thời nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm; thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.

Thứ sáu, bố trí một phần kinh phí chi thường xuyên để các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố thực hiện duy tu, bảo trì cơ sở vật chất, trang thiết làm việc, cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội và hỗ trợ các huyện đạt chuẩn nông thôn mới gắn với nhiệm vụ đối ứng kinh sự nghiệp để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

Trên cơ sở đó, dự kiến bố trí dự toán chi NSNN năm 2023 như sau:

Tổng chi ngân sách địa phương là 10.625.950 triệu đồng, tăng 348.360 triệu đồng, tăng 3% so với dự toán Trung ương giao. Chi ngân sách cấp tỉnh: 5.397.387 triệu đồng, chi ngân sách huyện, thành phố: 5.228.563 triệu đồng.

2. Chi cân đối ngân sách địa phương: Tổng chi cân đối ngân sách địa phương 7.104.402 triệu đồng, tăng 5% so với dự toán Trung ương giao.

2.1. Chi đầu tư phát triển: 901.827 triệu đồng, tăng 6% so với dự toán Trung ương giao; chiếm 12,6% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

2.2. Chi trả nợ lãi: 450 triệu đồng.

2.3. Chi thường xuyên: 5.821.162 triệu đồng, tăng 1% so với dự toán Trung ương giao, chiếm 81,9% tổng chi cân đối NSDP.

Dự toán phân bổ đảm bảo theo định mức, chế độ chính sách cho con người (đã bao gồm các chính sách an sinh xã hội theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025), bố trí các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; đẩy mạnh tiết kiệm, thực hiện cơ cấu lại các khoản chi thường xuyên gắn với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ về tài chính; phân chi thường xuyên còn lại bố trí đảm bảo tiết kiệm, yêu cầu sử dụng hiệu quả để duy trì các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị, vận hành, duy tu, bảo trì cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, chi tiết như sau:

(1) Chi sự nghiệp kinh tế: 595.832 triệu đồng. Bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp bao gồm cả mô hình khuyến nông - khuyến lâm; kinh phí sự nghiệp giao thông, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; kinh phí kiến thiết thị chính; hỗ trợ kinh phí cho các huyện Tam Đường, Than Uyên dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và tiếp tục hỗ trợ huyện Tân Uyên hoàn thành tiêu chí nông thôn mới; Kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các sự nghiệp kinh tế khác. Riêng chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025 và chính sách phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025; Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp căn cứ vào tình hình thực hiện các năm trước và khả cân đối của ngân sách địa phương, bố trí bằng 70% nhu cầu kinh phí.

(2) Chi sự nghiệp môi trường: Các huyện, thành phố được bổ sung kinh phí với tổng số tiền 24.000 triệu đồng/năm để thực hiện các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh.

(3) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 2.634.233 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao.

- Dự toán phân bổ đảm bảo các chế độ chính sách đối với đội ngũ giáo viên và học sinh theo quy định của Trung ương và địa phương; kinh phí đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới và kinh phí đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học; kinh phí thực hiện trường chuẩn, duy trì đạt chuẩn theo kế hoạch; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, thực hiện phát triển giáo dục và đào tạo; kinh phí thực hiện một số chế độ, chính sách đặc thù của địa phương thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề như: Chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, trẻ em mầm non ở các xã chuyển từ khu vực III sang khu vực I theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND; Chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND; Kinh phí duy trì hoạt động câu lạc bộ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc trong trường học giai đoạn 2021-2025 theo Kết luận số 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh...

- Bố trí kinh phí đào tạo nghề lao động nông thôn; đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã theo Nghị quyết tỉnh Đảng bộ; kinh phí thực hiện nhiệm vụ về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực theo quy định của pháp luật: đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý nhà nước, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ công chức của các sở, ngành theo biên chế và kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

- Bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo các Đề án, Nghị quyết do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh ban hành, kinh phí mua sắm, trang thiết bị dạy và học; kinh phí sửa chữa, nâng cấp trường, lớp học.

(4) Chi sự nghiệp y tế: 685.522 triệu đồng, đã giảm chi thường xuyên hỗ trợ từ ngân sách gắn với giảm biên chế hưởng lương từ NSNN theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Dự toán kinh phí đã đảm bảo hoạt động thường xuyên của toàn ngành y tế; hỗ trợ tiền ăn và chi phí đi lại cho bệnh nhân nghèo; phụ cấp ưu đãi đối với ngành y tế; phụ cấp hàng tháng cho nhân viên y tế thôn, bản, cô đỡ thôn, bản; kinh phí chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; kinh phí đối ứng các dự án sử dụng nguồn vốn vay, vốn viện trợ theo hiệp định đã ký kết; kinh phí mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị; kinh phí phòng chống dịch bệnh; hỗ trợ kinh phí mua BHYT theo quy định.

(5) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 14.466 triệu đồng, tăng 31% so với dự toán Trung ương giao. Đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, ưu tiên bố trí các nhiệm vụ chuyên tiếp, kinh phí thực hiện các Nghị quyết của tỉnh trên cơ sở không thấp hơn dự toán Trung ương giao theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

(6) Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 99.700 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021-2025 căn cứ vào khả cân đối của ngân sách địa phương.

(7) Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 54.933 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí tăng cường số lượng, chất lượng thông tin, thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương đường lối của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kinh phí thuê kênh và đường truyền phát sóng kênh truyền hình Lai Châu trên vệ tinh Vinasat1 và trên hệ thống dịch vụ truyền hình Cap...

(8) Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 19.988 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí thực hiện các giải thi đấu theo kế hoạch, kinh phí thực hiện đề án đào tạo năng khiếu thể dục thể thao cho vận động viên thành tích cao.

(9) Chi đảm bảo xã hội: 233.672 triệu đồng. Bố trí kinh phí chi trợ cấp thường xuyên theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; kinh phí hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm cho người dân tộc thiểu số làm việc tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

(10) Chi quản lý hành chính: 718.336 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí chi thường xuyên theo định mức, biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2023; kinh phí thực hiện các chính sách đối với tổ chức cơ sở đảng, kinh phí tổ chức đại hội của các tổ chức chính trị xã hội. Đối với các nhiệm vụ đặc thù khác, bố trí trên tinh thần tiết kiệm, hạn chế các khoản mua sắm trang thiết bị, tổ chức hội nghị, hội thảo.

(11) Chi An ninh - Quốc phòng địa phương: 162.182 triệu đồng. Bố trí kinh phí đảm bảo những nhiệm vụ trọng yếu về quốc phòng, an ninh, kinh phí thực hiện đề án đưa công an chính quy về cơ sở thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương; kinh phí hoạt động công an xã, kinh phí bảo vệ dân phố. Kinh phí huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ địa phương; kinh phí hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu; kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện và hỗ trợ kinh phí đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh.

(12) Chi ngân sách xã, phường, thị trấn: 488.766 triệu đồng. Đã đảm bảo toàn bộ về chính sách và các hoạt động của cấp uỷ, chính quyền, các đoàn thể, công tác hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, toàn dân xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, hoà giải ở cơ sở và kinh phí thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn theo Nghị định

số 76/2019/NĐ-CP, kinh phí hỗ trợ Trung tâm học tập cộng đồng theo Thông tư số 96/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, kinh phí thực hiện chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Ngoài ra hỗ trợ các xã, phường, thị trấn 100 triệu đồng/năm để thực hiện các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh.

(13) Chi khác ngân sách: 49.532 triệu đồng. Bố trí kinh phí chi cho công tác tôn giáo; bổ sung quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, quỹ cho vay người nghèo; bổ sung quỹ hỗ trợ Hội Nông dân và các khoản chi khác, trích lập quỹ thi đua khen thưởng; hỗ trợ các đơn vị Tòa án Nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh...

(14) Dự kiến kinh phí để bố trí cho các nhiệm vụ phát sinh, kinh phí phục vụ lễ kỷ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh Lai Châu: 40.000 triệu đồng;

2.4. Bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng.

2.5. Chênh lệch tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao để thực hiện cải cách tiền lương: 206.752 triệu đồng.

2.6. Dự phòng ngân sách: 173.211 triệu đồng, bằng 2,44% dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2023.

3. Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu NSDP: 2.800 triệu đồng

4. Chi thực hiện các Chương trình MTQG: 1.712.400 triệu đồng, bao gồm:

4.1. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 475.827 triệu đồng

4.2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 90.254 triệu đồng

4.3. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 1.146.319 triệu đồng.

5. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác: 1.806.348 triệu đồng, tăng 49% so với dự toán năm 2022, bao gồm:

5.1. Chi bổ sung có mục tiêu (*vốn đầu tư xây dựng cơ bản*): 1.722.200 triệu đồng, tăng 48% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022.

5.2. Chi bổ sung có mục tiêu (*vốn sự nghiệp*): 84.148 triệu đồng, tăng 67% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2022.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2023, các định hướng, chủ trương lớn theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần XIV, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Trong đó tập trung tổ chức thực hiện các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Một là, phấn đấu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất để đảm bảo nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, triển khai kịp thời các chính sách pháp luật về thu NSNN, tăng cường công tác quản lý thu.

(1) Triển khai đầy đủ và kịp thời các chính sách thuế nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế, ổn định nguồn thu NSNN.

(2) Tăng cường chống thất thu qua công tác giám sát, kiểm tra thực hiện đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại; đôn đốc thu hồi nợ thuế. Quản lý chặt chẽ công tác kê khai, nộp thuế, đôn đốc doanh nghiệp nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước. Theo dõi sát sao, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi chây ì nợ thuế, trốn thuế, gian lận thuế, lợi dụng chính sách hoàn thuế, thúc đẩy sự tuân thủ tự nguyện trên cơ sở phân loại mức độ rủi ro của người nộp thuế.

(3) Triển khai thực hiện công tác chống thất thu thuế, thu hồi nợ đọng thuế. Tăng cường sự phối hợp các sở, ngành và các huyện, thành phố trong công tác quản lý hiệu quả các nguồn thu phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, kinh doanh qua mạng; quản lý đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản, thuế TNCN của cá nhân có nhiều nguồn thu nhập... để tăng thu cho ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế GTGT, tổ chức việc thu ngân sách nhà nước hiệu quả.

(4) Đẩy mạnh điện tử hóa trong quản lý thuế, hiện đại hóa quản lý thu ở tất cả các khâu như quản lý đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, quản lý hóa đơn điện tử, tiếp tục điện tử hóa đối với công tác quản lý lệ phí trước bạ, các loại phí, lệ phí... Đồng bộ, kết nối cơ sở dữ liệu với các cơ quan quản lý nhà nước để quản lý đối với các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản... thúc đẩy công cuộc chuyển đổi số trong cơ quan Thuế.

Hai là, tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN; nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính.

(5) Ưu tiên nguồn lực vào các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phục vụ các mục tiêu phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu. Cải thiện vai trò dẫn dắt, vốn mồi của nguồn lực ngân sách nhà nước. Tập trung thúc đẩy đầu tư, liên kết vùng, thu hút và phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư xã hội.

(6) Đổi mới quản lý chi thường xuyên, đẩy mạnh cơ chế khoán, đấu thầu, đặt hàng; tăng cường phân cấp, trao quyền tự chủ, khuyến khích sử dụng nguồn lực phù hợp với đặc thù của các sở, ngành, các huyện, thành phố. Bố trí đủ nguồn lực thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII theo quy định, ưu tiên dành

nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm các nhiệm vụ về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, an ninh - quốc phòng, các dịch vụ quan trọng thiết yếu; triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cấp thiết, các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, công tác phí trong và ngoài nước, mua sắm trang thiết bị đắt tiền.

(7) Quản lý, kiểm soát chặt chẽ nợ công, giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay cho các công trình, dự án theo kế hoạch vay đã ký kết, thực sự có hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn cân đối theo khả năng ngân sách địa phương.

(8) Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính – NSNN; tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN. Xử lý nghiêm các vi phạm trong đấu thầu, mua sắm tài sản công, quản lý, sử dụng tài sản, NSNN.

Ba là, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị gắn với tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập.

(9) Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và các Kết luận của Bộ Chính trị. Đánh giá đúng, đủ dựa trên chức năng nhiệm vụ, khối lượng công việc thực tế, tránh tình trạng cào bằng khi thực hiện giảm biên chế, thu gọn đầu mối các cơ quan, đơn vị.

(10) Đẩy nhanh hoàn thiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, các định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xác định giá dịch vụ sự nghiệp công; đẩy mạnh cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo phương thức đấu thầu, đặt hàng.

Bốn là, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước

(11) Tiếp tục rà soát kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; thúc đẩy công khai, minh bạch thông tin doanh nghiệp và tăng cường trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; nâng cao hiệu lực công tác quản lý, giám sát của cơ quan nhà nước.

Năm là, đẩy mạnh cải cách hành chính kết hợp chuyển đổi số quốc gia đồng bộ, toàn diện, xây dựng chính phủ điện tử; tiếp tục cải thiện thực chất môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng tính công khai, minh bạch.

(12) Cải thiện hơn nữa môi trường kinh doanh, cải cách thủ tục hành

chính; cắt giảm, bãi bỏ các thủ tục, điều kiện kinh doanh không còn phù hợp.

(13) Các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố tập trung tháo gỡ, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển, sẵn sàng các điều kiện cần thiết thu hút đầu tư, phục hồi mạnh mẽ hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh đã kiểm soát tốt đại dịch COVID-19. Tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin. Đẩy mạnh chuyển đổi số đồng bộ, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực trực tiếp phục vụ người dân và doanh nghiệp; xác định rõ các giải pháp, nhiệm vụ, trách nhiệm triển khai và nguồn lực của từng cấp, từng ngành, tránh việc đầu tư dàn trải, thiếu tính liên thông kết nối, lãng phí nguồn lực, thiếu hiệu quả.

Sáu là, thực hiện quản lý giá theo nguyên tắc thị trường.

(14) Theo dõi sát diễn biến cung cầu, thị trường, giá cả, tôn trọng quyền tự định giá, cạnh tranh về giá; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giá, kết hợp với thuế để ngăn chặn và kiên quyết xử lý các hành vi tăng giá bất hợp lý; kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại.

Trên đây là Báo cáo công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi NSĐP và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023 trình HĐND cấp tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh uỷ;
- TT. HĐND;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện kiểm sát, TAND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quý Dương